TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **84**/2019/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 05 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: chị Lương M, sinh năm 1969; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Trần Văn V, sinh năm 1976; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương M và anh Trần Văn V. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2010 (quyển 1/2010) ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Cháu Trần Thị Ngọc T sinh ngày 25/10/2000 đã trưởng thành. Riêng cháu Trần Tiến Đ sinh ngày 04/3/2004, chị Lương M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ tại biên bản lấy ý kiến ngày 25/02/2019). Ghi nhận chị M tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: hiện không tranh chấp.

2.3. Về nợ chung: không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Lương M đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022224 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, chị M được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên